

Bài 97. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Sợ Hãi (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 30/07/2018

Hôm nay chúng ta học XIII. Phẩm Sợ Hãi.

Kinh (124) Các Hạng Người Sai Khác (2)

Hôm qua chúng ta có nói một chuyện mà tôi cho rằng rất quan trọng. Hôm nay chúng ta phải ôn lại một tí để sang một loạt bài mới có nội dung tương tự nhau. Đó là chúng sanh trong đời dẫu cho nhiều vô số, vô lượng, nhưng tựu chung lại, kể gọn chỉ có mấy hạng thôi:

1. Hạng chìm sâu trong năm dục.
2. Chán dục, nhưng đam mê thiền định vật chất.
3. Đam mê thiền định vô sắc, không vật chất.
4. Nhàm chán mọi vật chất hiện hữu tái sinh.

Cứ loay hoay trong đây mà nếu không hiểu được bốn đế, thì kiếp này chúng ta có đam mê cái cao nhất, kiếp khác cũng sẽ quay trở lại cái thấp nhất. Chỉ có hạng thứ tư là nhàm chán mọi hiện hữu tái sinh mới là khá thôi.

Nếu không hiểu được mọi thứ ở đời là khổ, đam mê nào cũng là đam mê trong khổ. Mà hễ đam mê trong khổ thì tiếp tục tạo khổ. Chỉ có mấy nguyên tắc này mà không nắm được thì coi như bây giờ chúng ta có thích thiền định, chúng ta có nhàm chán vật chất năm dục cỡ nào đi nữa, thì nó cứ hết tuổi thọ cao nhất, nó cũng sẽ rút về với đơn vị gốc. Chúng ta luôn luôn là như vậy.

Cho nên bao nhiêu kiếp sinh tử luân hồi, tiền thân, tiền kiếp, chúng ta đã biết bao nhiêu lần sanh về cõi Phạm thiên cao nhất là Phi tưởng phi phi tưởng. Rồi cũng có biết bao nhiêu lần chúng ta sa đọa trong các tầng địa ngục sâu nhất, khổ nhất, sống nhiều nhất. Có những địa ngục, một ngày một đêm ở dưới tương đương với chín tỷ

năm của kiếp người. Khủng khiếp như vậy, lâu như vậy. Không còn sót một khoảnh khắc nào mà chúng ta chưa từng đi tới. Trong kiếp luân hồi nó khiếp như vậy.

Hôm qua trong bài kinh Các Hạng Người Sai Khác, Đức Thế Tôn Ngài có dạy: có một điểm khác biệt rất là lớn là đối với đệ tử của Như Lai, họ cũng tu tập thiền định, nhưng lấy thiền định đó là cơ sở để mà phát triển trí tuệ và quán chiếu vạn hữu, từ đó chán sợ mọi thứ, kết thúc sanh tử. Còn riêng kẻ phàm phu cũng tu tập thiền định, nhưng lấy đó làm điều kiện để có mặt trong các cảnh giới cao cấp. Hưởng thụ hết tuổi đời ở đó rồi cũng quay trở lại cái vòng xoáy buổi nào.

Vì đâu? Vì đâu mà có cơ sự này? Bởi vì đệ tử của Như Lai hiểu được bốn đế là gì. Hiểu được mọi hiện hữu là khổ. Nó đắng cỡ nào cũng là khổ, mà nó ngọt cỡ nào cũng là khổ. Là vì tất cả những gì chúng ta thích, nó đều là nguồn gốc của cái chúng ta ghét. Hễ có thích là có ghét, hễ có sướng là phải có khổ. Sướng khổ là một cặp, thích ghét là một cặp. Hễ anh có vui là phải có buồn, hễ anh có sanh là phải có tử, hễ anh còn lên là anh phải còn xuống, anh còn vào là anh phải còn ra, anh còn trên thì phải còn dưới, còn trong thì phải còn ngoài.

Nói chung thế giới vận hành trong những bờ mé, biên tế, nhị biên đối đãi kiểu đó đó quý vị. Chỉ có giải thoát sanh tử là nằm ngoài tất thảy những bến bờ tương đối ấy.

Đệ tử Như Lai dầu có giữ giới, thiền định, bố thí, tu samatha hay vipassana thì luôn luôn, tạm gọi là bảo bối hộ thể, có nghĩa là pháp hộ trì của Như Lai luôn luôn là trí tuệ về bốn đế. Dầu là phàm cũng phải hiểu bốn đế theo trí văn, trí tư; còn chứng thánh thì có thêm trí tu nữa. Có nghĩa là mình thấy rằng có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có khỏe, có yếu, có thiền định, không có thiền định gì đi nữa, thì tất thảy đều là vô ngã, vô thường.

Câu chuyện Quái Đàm

Giảng đến đây tôi nhớ một chuyện bên khía cạnh Phật pháp mà tôi khoái lắm. Bên Nhật có một câu chuyện tên là Quái Đàm, Kwaidan. Tôi chỉ nhớ mơ hồ chứ không

nhớ rõ lắm, chỉ nhớ nội dung chính của nó thôi. Câu chuyện như thế này:

Ở một ngôi chùa quê hẻo lánh có một chú tiểu mù. Chú mù nhưng chú đánh đàn tỳ bà rất hay. Chú có thể dùng âm thanh này, chú tái hiện lại mọi chuyện ở đời. Ví dụ: chú dùng tiếng đàn để kể một câu chuyện tình rất bi thương. Chú dùng tiếng đàn để kể một trận đánh phải nói là máu lửa. Chú dùng tiếng đàn để kể lại câu chuyện của một chân nhân trên núi cao. Chú dùng tiếng đàn để chú kể lại một nỗi niềm âm thầm cô quạnh của một ông lão ngư phủ bên bờ sông vắng.

Tất thảy mọi thứ ở đời, tỉnh cỡ nào, động cỡ nào, đẹp cỡ nào, buồn cỡ nào, chú đều có thể dùng âm thanh của tiếng đàn tỳ bà để kể lại hết. Tiếng đàn tỳ bà của chú phải nói là hảo thủ công phu.

Thế là một đêm khuya, khi chú đang ngồi bên thềm chùa nghe sương rụng thì chú nghe tiếng chân người. Người mù không thấy gì hết, chú chỉ còn có lỗ tai thôi, còn thính giác thôi. Chú mới lên tiếng hỏi: “Ai đấy?” Chưa kịp trả lời thì đã có người chụp lấy chú bằng bàn tay vạm vỡ, sức mạnh tràn trề, nói như thế này:

“Bà nữ chúa của chúng tôi rất đam mê tiếng đàn của chú. Bà có một quá khứ phải nói là bi hùng. Bà là lãnh chúa của vùng này nên bà muốn nghe chú dùng tiếng đàn để kể lại một quá khứ hiển hách, vàng son của bà ngoài chiến trường. Chú không đi không được, mà hễ đi thì có thưởng.”

Dĩ nhiên trong room biết rồi, trong hoàn cảnh đó thì một anh mù mà, nghe nói không đi không được là mình thấy phải đi rồi, còn bồi thêm câu hễ đi là có thưởng. Thế là chú đi.

Cứ như vậy mà chú đến nơi. Chú không có thấy gì hết, chỉ nghe người lao xao lao xao. Thế là chú được người ta kể sơ một câu chuyện là hãy hình dung ra câu chuyện ở chiến trường, ở đó có một nữ tướng oai phong lẫm lẫm. Đang một mình điều binh khiến tướng ra chiến trường hò hét, vung gươm lên là hàng chục cái đầu rơi xuống. Máu loang thành suối, xác chất thành núi.

Cứ nghe đến câu chuyện ngắn gọn đó, thế là chú tấu đàn. Chú đánh tới đâu là “khúc đầu Hán Sở chiến trường”, giống như Kiều của Nguyễn Du vậy đó. Rồi một đêm, sáng hôm sau người ta đưa chú về chùa. Đêm thứ hai cũng như vậy, cứ khuya khuya là có người tới xốc nách chú đi, rồi mờ mờ sáng được người ta thả về chùa.

Được hai, ba đêm thì bữa đó, sư phụ của chú tình cờ đi ngang phòng, sao không thấy động đậy gì hết. Sư phụ thấy lạ mới để ý trong phòng, vào thấy chú đi mất. Bữa đó sư phụ thấy lạ: “Nó mù, nó đi đâu trời?” Thế là sư phụ mới để ý.

Hôm sau vào cái giờ đó, sư phụ thấy tự nhiên chú làm như có ai vậy đó xốc nách chú, mà chỉ thấy chú thôi. Chú mù hôm nay đi không cần gậy. Sư phụ chỉ thấy chú lướt đi trên ngọn cỏ với một tốc độ đệ nhất khinh công thượng thừa, quái xế, không thể nào đuổi kịp. Lướt đi trên ngọn cỏ như Thủy Thượng Phiêu Cừu Thiên Nhận. Sư phụ lạ lắm thì mới mon men đi theo, dĩ nhiên.

Đi với tốc độ một ông sư già, tốc độ lần bước của một vị lão tăng già hom hem mà.

Thì cái chỗ mà sư phụ đến bắt gặp chú tiểu đó là một nghĩa trang hoang vắng, điều hiu. Nghe đâu nghĩa trang đó là chỗ chôn cất của một dòng họ danh giá một thời của địa phương này. Nhưng mà mọi chuyện đã chìm sâu vào dĩ vãng, hôm nay tất thấy chỉ còn lại là cổ tích, còn lại là huyền thoại, truyền kỳ thôi.

Mà bây giờ đệ tử của mình, giữa nghĩa trang đêm khuya mà nó ôm cái đàn tỳ bà, nó đánh, sương rơi nghe rõ mồn một. Tiếng đàn lạnh lạnh nghe lạnh xương sống, quý vị biết không? Tôi tưởng tượng mà tôi kể đến đây tôi còn sợ ma nữa.

Sư phụ thấy lạ lắm. Sư phụ tới chụp ra đệ tử, sư phụ hỏi:

“Ai đem con tới đây? Mà tại sao con lại chơi đàn chỗ này?”

Thì người đệ tử mới kể hết cho sư phụ nghe. Sư phụ nói:

“Rồi, con bị trúng tà rồi.”

Sư phụ mới đem chú tiểu đó về. Tất thầy tôi kể này giờ là chuyện tào lao. Nhưng cái này mới là nội dung bài giảng hôm nay chúng ta đặc biệt nhắc đến, và quý vị phải lắng nghe.

Sư phụ về mới chép nguyên bài Bát Nhã Tâm Kinh: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc...” Sư phụ dùng bút mực tàu chép hết bài kinh đó lên trên toàn thân của chú tiểu. Thì sư phụ nói:

“Hôm sau con cứ ngồi ở đây, cứ ôm đàn tỳ bà cho sư phụ, rồi coi coi tụi nó lộng hành cỡ nào.”

Thì chú tiểu vẫn đến giờ đó ôm cây đàn tỳ bà như mọi hôm, như là đang ngồi chờ người ta đến đón đi.

Đúng như vậy, trong vòng vài khắc giờ sau đó là cũng có hai, ba tiếng bước chân người đến xốc nách chú tiểu, nhưng lần này không ai xốc, mà chỉ nghe tiếng chân. Và chú chỉ nghe tiếng người ta bực dọc nói với nhau:

“Quái lạ, mọi khi nó ngồi ở đây mà sao hôm nay không thấy nó?”

Là bởi vì sắc tức thị không mà không tức thị sắc mà. Khi mà viết bài Bát Nhã đó lên thân mình rồi thì tất thầy đều không có. Có là không, không là có, đã là nó đã chỗ này nè.

Nhưng mà cái động trời nó nằm ở chỗ này. Sau một hồi tranh cãi, bàn soạn, thì chú lạnh xương sống, chú nghe cái câu nói thế này:

“Nó đi đâu mất mà sao lỗ tai nó còn ở đây?”

À, thì ra là sư phụ quên vẽ cái bài kinh đó lên lỗ tai của chú. Theo câu chuyện đó mà tôi nhớ mang máng đó là đám quý đó tức giận quá mới rút gươm ra vạc hai cái lỗ tai của chú tiểu này.

Như vậy các vị thấy, trong cuộc tu của mình, hở chỗ nào là ma bắt chỗ đó. Bây giờ quý vị đã hiểu chưa? Đã hiểu lời Phật dạy rằng: đệ tử ta dù có bố thí, trì giới, thiền định đến cái tốt vời cao sơn thì tất thấy đệ tử của ta đều phải có bảo bối hộ thể, đó chính là cái trí tuệ về Tứ đế. Phải luôn luôn hiểu rằng: “Nhất thiết giai không, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.”

Bố thí, trì giới, nó chỉ là những viên thuốc uống để chữa bệnh, chứ nó không có cái gì hay ho hết. Bây giờ anh có đắc cái gì đi nữa thì tất thấy chỉ là phương tiện. Mà phương tiện, giai nhất thời hữu dụng, đã là phương tiện thì chỉ sử dụng tạm thời thôi. Bè cỏ để qua sông, qua rồi chỉ có thằng khùng mới vác cái bè cỏ đó đi tiếp. Không có thằng khùng nào chưa qua sông mà đã vẽ cái bè cỏ treo trong phòng. Rồi xuống sông rồi, qua bên sông kia rồi mà vác bè cỏ đi tiếp thì chỉ có mấy thằng quên uống thuốc nó mới làm chuyện đó thôi, mấy thằng trốn trại nó mới làm chuyện đó thôi.

Cái câu chuyện trên tôi thích ở chỗ là đủ rồi. Mục đích tôi kể câu chuyện này là để làm cái gì? Đó là chú tiểu này lẽ ra là yên thân rồi. Nhưng mà chú còn sót một thứ, đó là cái lỗ tai, giống như là gót chân Achilles trong thần thoại Hy Lạp.

Tức là Achilles là con của một nữ thần. Bà này sanh con ra, muốn con đời đời bất tử, đao thương bất nhập. Bà mới sanh con ra, bà đem con ra dòng suối, bà nhúng xuống, coi như là đao thương bất nhập đó. Nhưng xui ở chỗ, tức là cái chỗ bà cầm nhúng con xuống, bà quên, bà không đẩy nó xuống nước luôn. Thế là về sau Achilles trở thành một chiến binh bất khả chiến bại, đánh đâu thắng đó, chỉ có đâm người ta chứ không ai đâm được Achilles.

Khổ thay, có kẻ biết được nhược điểm của Achilles và mách lẻo cho kẻ thù, thế là kẻ thù cứ chọt ngay cái gót chân. Coi như bao nhiêu là tử huyệt của Achilles nó nằm hết ở chỗ đó. Thế là Achilles chết. Từ đó về sau, trong truyền thuyết của huyền thoại Hy Lạp, người ta nói rằng mỗi con người sinh ra ở đời đều có một nhược điểm hết đó quý vị. Đó là chuyện của Tây. Còn chuyện của Ta chính là bài Kinh Bát Nhã, và chính là câu chuyện quái đàm mà tôi vừa kể hâu bà con.

Có nghĩa là trong cuộc tu hành mà mình sợ hở một tí ti là mình sẽ chết ở điểm đó.

Các vị còn nhớ câu chuyện tôi kể về nàng quá phụ đi ra ngoài biên ải tìm xác chồng không? Nàng đẹp ghê lắm, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. Vậy mà trên đường đi ngàn dặm và trên đường về ngàn dặm, bao nhiêu ong bướm vờn quanh mà cũng không đánh gục được sự kiên trinh của nàng.

Vậy mà trên đường về gần tới nhà thì đi ngang một dòng suối. Một tay ôm hũ xương chồng, một tay lội qua suối chảy xiết. Bỗng thấy bên bờ có một nhánh lan rừng, thế là nàng thò tay nàng hái. Mà lúc đang chòm chòm hái hái, nó rớt cha cái hũ cốt xuống dòng suối. Coi như là mấy ngàn dặm vẫn giữ một lòng kiên trinh, khiết bạch, vẫn giữ được hũ cốt của người chồng. Vậy mà chỉ vì một đóa lan rừng, vì một chút sơ sẩy mà nàng đánh mất hết tất cả mà nàng đã bỏ hết tất cả để kiếm tìm và gìn giữ.

Hành giả Tứ niệm xứ của mình y chang như vậy. Bỏ nhà, bỏ phố, bỏ công việc làm ăn, xa vợ, xa chồng, xa con cái, xa cha mẹ... đi vào thiền viện; đi Miến Điện; đi Thái Lan. Tưởng qua đó sao? Ngồi hít ra thở vô, thấy mát mát, tưởng là đặc. Các vị nghĩ coi có động trời không? Hoặc bữa nay nó ngồi thấy chánh niệm nó ngon hơn hôm qua là nó cho nó đặc rồi. Nó làm như bữa nay cái môn hình như không dính chiêu nữa rồi, đặc. Cái đó mà đặc cái gì? Đặc là đặc trên đầu, trong tim, chứ cái môn mà đặc cái gì.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, thiền có nhiều loại thiền lắm. Thiền Ấn Độ là Như Lai chân truyền, là cái thiền tẩy trừ phiền não, chấm dứt tập khí, chấm dứt trầm luân. Còn cái thiền Môn Cổ là cái thiền giữ môn cho vững và giữ cổ cho thẳng. Cái thiền đó là thiền Hốt Tất Liệt, thiền của Thành Cát Tư Hãn, thiền đó là thiền thảo nguyên, lạc đà, chứ không phải là thiền Ấn Độ, thiền Thiên Trúc.

Cho nên nãy câu chuyện về chú tiểu mù kia là cả một bài kinh nghiệm đạo học ghê gớm. Bà con nhất thiết phải nhớ một đời như là một vốn liếng bình sinh cốt tử.

Ở đây Ngài dạy có những vị...

Cũng đặc sơ, nhị, tam, tứ thiền, tuy nhiên vị ấy luôn luôn quán chiếu thấy thân tâm này là vô ngã, vô thường luôn luôn. Trở lại bài kinh này, đó là vị ấy luôn luôn quán chiếu mọi thứ ở đời là khổ, vô thường, vô ngã. Ở đây cho mình một loạt từ:

1. Aniccato: có nghĩa là có rồi không.
2. Sallato: như mũi tên được làm ra để gây đau đớn.
3. Rogato: danh sắc này như một chứng bệnh ta phải gánh chịu suốt đời.
4. Parato: cứ như thuộc về ai đó, không phải của ta. Muốn khổ thì khổ, né tránh không được.

Một vị chứng thiền, quán chiếu danh sắc là quán như vậy đó. Quán chiếu tăng sơ, nhị, tam, tứ thiền, thiền sắc, vô sắc, thần thông, đại định, tất thấy đều là vô ngã, vô thường. Họ chỉ cần sơ sẩy một cái là thiền nó mất.

Chưa hết: đặc thiền thì đặc, đặc thần thông thì đặc, mà tới hồi chết thì vẫn cứ le lười chết, chứ có ai đặc thiền, đặc định mà sống hoài. Rồi vị ấy biết thêm nữa, dù có về cõi Phạm cung cao ngất xa vời nào đó thì hết tuổi thọ cũng rớt một cái đùng xuống dưới đây.

Vị ấy thấy bất cứ ngày nào còn ngáp ngáp, chưa tắt thở, thì cái tấm thân này nó như một cái chứng bệnh vậy đó. Mình không thể bỏ nó được, giống như bệnh nhân phải cưu mang, gồng gánh chứng bệnh vậy đó. Giống như mình bị trĩ, tiểu đường, tim mạch, đau gan, ung thư, thấp khớp... hể nó còn nằm trong người mình là mình phải gánh nó mình đi. Đi du lịch, trắng mặt, thăm ba má, tu thiền... đi đâu cũng phải vác nó theo, vì bị bệnh mà. Hể mà mình còn cồng cái thân tâm này là mình còn cưu mang bao nhiêu cái hệ lụy từ nó mà ra.

Do vậy, vị đó có đặc thiền sơ, nhị, tam, tứ gì đi nữa, luôn luôn hể là con Phật phải nhớ liên tục và liên tục mọi thứ là vô ngã, vô thường. Những hình ảnh đó như Rogato: danh sắc này như một chứng bệnh ta phải gánh chịu suốt đời; Parato: cứ như

thuộc về ai đó, không phải của ta. Muốn khổ thì khổ, né tránh không được... là ung nhọt. Tất thấy những chữ đó, những khái niệm đó, hình dung đó, hành giả dùng để nhìn về thân tâm này; những sở đắc, sở chứng của mình.

Có những người thương lắm, trời thương phước cũ có một tí ti tiền làm phước bắt đầu kiêu ngạo. Có tí trí nhớ, học được ba mớ giáo lý bắt đầu kiêu ngạo. Nhờ phước cũ có một tí nhan sắc bắt đầu kiêu ngạo. Nhờ phước cũ có tí may mắn trong cõi tình trường, thế là kiêu ngạo. Coi như mình như là con chó chìm sâu trong cái cục xương mà mình gặp, rồi mình gặm vô trong miệng. Được cái giống gì là chìm sâu trong đó.

Có nhiều người già mà không chịu mình già, xấu mà không chịu mình xấu, khổ như điên mà cứ tìm chỗ ngô ngách để hy vọng là có thể tìm được một nếp đời hạnh phúc hơn. Lẽ ra đó là những cơ hội để mình quán chiếu, thấm thía hơn nữa cái bản chất của đời sống bất toại, bất tường, bất trắc này để về với Phật. Nhưng mà khổ thay, được ba mớ thì lại trầm luân ba mớ theo cái được. Mất ba mớ thì lại tiếp tục mất theo cái mất đó mà trầm luân thêm theo kiểu khác.

Các hạng thánh chứng và chỗ tái sinh

Ở đây Ngài nói những vị mà tu tập chứng tùm lum thiền hết trơn, thì chết sanh về đâu ta?

Một người chứng sơ quả, trước sau gì cũng phải Niết-bàn. Có ba hạng:

1. Kolankola: có nghĩa là tối đa luân hồi thêm sáu kiếp trước khi chứng La Hán.
2. Ekabijji: chỉ tái sinh lần nữa thôi.
3. Sattakkhattuparamo: vị sơ quả phải đi hết bảy kiếp tái sinh mới chứng La Hán, như trường hợp của Đế Thích hiện tại chứng sơ quả thời Phật. Hoặc ông Cấp Cô Độc, bà Visakha đều là những vị sơ quả Vattarata, thích thú luân hồi dù đã chán đến cổ.

Thích luân hồi dù đã chán đến cổ nghĩa là: họ giống như những bệnh nhân hay tù nhân đã được về nhà nhưng còn tiếc vài khóm hoa trong nhà tù hay bệnh viện, dù lòng đã ngán đến cổ.

Mình đừng có nói họ ngu, nhưng mà mình đã trải qua tâm trạng đó chưa. Tôi từng nằm viện tôi biết. Tôi thì không có mê hoa gì hết, nhưng mà tôi mến một vài cái trong bệnh viện. Ví dụ như chỗ tôi nằm bên Đức, ngó ra con sông nó đẹp lộng lẫy. Hôm đó Ngài thiền sư Utarathama, Ngài đến đó Ngài thăm, vì Ngài có việc đi Đức thì Ngài ghé trú xứ của chúng tôi, Ngài ngủ một đêm. Thì hôm sau Ngài xuống viện Ngài thăm mà Ngài cứ chụp hình hoài. Ngài ra cái chỗ mà Việt Nam mình nói giống như là căn-tin ở trên lầu, ngó ra dòng sông rất là đẹp.

Lúc tôi về thì tôi lạnh xương sống. Tôi gặp y tá, bác sĩ, tôi ớn còn hơn cái gì. Tôi nhìn cái giường tôi nằm mà tôi nghĩ: chắc hẳn A La Hán chắc là cũng ớn cỡ này thôi. Nhưng mà làm gì thì làm, đi ngang qua chỗ kia tôi cũng có một chút tiếc tiếc là mai mình không còn trở lui chỗ này nữa.

Thì tâm trạng đó y chang như tâm trạng của ông Cấp Cô Độc, bà Visakha. Tức là biết cuộc trầm luân này ớn lên tới óc rồi, tức là đã biết bao nhiêu kiếp làm trùng, làm dế, làm dòi, làm bọ, công hầu, khanh tướng, ông hoàng, bà chúa, kỹ nữ, ăn cướp, du đảng, thầy tu, linh mục... Mình đã qua hết rồi, còn gì nữa đâu mà luyến lưu tiếc nuối. Nhưng các vị còn thấy cái điểm hơi ngọt ngọt ở chỗ này. Tức là trước khi rửa dao cũng le lưỡi liếm một cái, bởi vì cái dao mới vừa cắt bánh xong vậy đó.

Các vị biết đó, mình còn luân hồi chứ thánh mà bị dọa cái gì. Phước báu của ba vị đó không biết cân, đong, đo, đếm ngả nào cho hết. Cho nên nếu có đi vài kiếp nữa thì cũng kiểm soát được cái dòng sanh tử, chứ còn gì đâu mà sợ.

Chuyện thứ hai, đặc tăng nhị quả cũng có nhiều hạng:

1. Chứng ở đâu thì Niết-bàn ở đó.

2. Đắc nhị quả ở cõi người rồi về trời đắc La Hán.
3. Chứng nhị quả ở cõi trời rồi về cõi người đắc La Hán.
4. Hoặc chứng ở cõi người, về trời rồi quay lại cõi người chứng La Hán.

Tam quả A Na Hàm cũng có nhiều hạng:

1. Chưa từng chứng thiên định thì chết ở cõi Dục xong thì phải sanh về cõi Sơ Thiên, vì tâm tư của vị này lúc nào cũng tương đương sơ thiên. Không còn năm triền cái và định lực của vị này không kém người chứng sơ thiên.
2. Tam quả đắc ở tầng thiên nào thì về tầng thiên đó.
3. Nên nói theo A Tỳ Đàm, vị tam quả tứ thiên thì sanh về cõi Quảng Quả, 500 đại kiếp mới viên tịch.
4. Vị tam quả chứng ngũ thiên thì sanh về năm cõi Tịnh Cư, tuổi thọ thấp nhất là 1000 đại kiếp.

Ngài nói gọn lại đó là: chứng thiên định mà hiểu về bốn đế, tức tối thiểu sơ quả, thì phải về Phạm Thiên.

Đế Thích hiện nay là Đế Thích trẻ, vừa đắc sơ quả thời Phật. Sau khi chết kiếp này thì ông sẽ về cõi người làm Chuyển Luân Vương rồi đắc nhị quả. Sau đó, trở lên Đạo Lợi làm Đế Thích lần nữa, đắc Tam Quả rồi sanh về cõi Tịnh Cư thấp nhất. Sau đó

Vì huệ căn non yếu nên ông phải lần lượt sanh đủ năm cõi Tịnh Cư, sau đó chứng La Hán ở cõi Tịnh Cư cao nhất. Tổng cộng thời gian Đế Thích luân hồi từ hôm nay là 31 ngàn đại kiếp.

Có nghĩa hôm nay đã Sơ quả rồi mà sự phụ của mình còn đi vòng vòng như vậy tới 31 ngàn đại kiếp rồi mới đắc La Hán. Nhưng mà trong 31 ngàn đại kiếp đó thì sướng như tiên, vì họ là tiên mà.

May là một vị Thánh mà còn thích một chút, có nghĩa là đã ra tù rồi, đã xuất viện rồi, nhưng mà vẫn còn luyến tiếc một chút hoa hồng, hoa sứ ở nhà tù hay bệnh viện. Chỉ vì cái nấn ná đó không mà quất tới 31 ngàn đại kiếp. Dĩ nhiên có vị thì ít hơn, nhưng lâu nhất là 31 ngàn đại kiếp.

Kinh Từ Tâm (1)

Hôm qua tôi có nói: người không có biết đạo đam mê năm dục, thế giới với họ là thiên hình vạn trạng. Thích đủ thứ nên ghét đủ thứ. Có nhiều thứ khiến họ vui và cũng có vô số thứ khiến họ đổ máu lệ, và từ đó khi mà phân tâm thì thiếu định tâm.

Người tu thiền thì nhìn thấy thế giới này qua mười thứ: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng. Các vị tưởng tượng đi, từ mấy ngàn tỷ thứ mà bây giờ chỉ gom lại còn có mười thứ thôi thì cái tâm của những người này mạnh cỡ nào. Từ hàng triệu tỷ thứ trên cuộc đời này, nhưng mà đối với người tu thiền thì họ dẹp hết. Khi không thích năm dục thì thế giới này đối với người ta chỉ là mười thứ thôi. Khi thế giới này thiên hình vạn trạng thì ta sẽ phân tâm; phân tâm tức là không định tâm.

Không biết đạo, ta có ba hạng người để phân biệt: một số người dễ thương, một số người dễ ghét và vô số người mình không có tình cảm hay ấn tượng đặc biệt. Khi biết đạo thì trong lòng ta chỉ có hai hạng người: dễ thương, người lành; và đáng thương, người xấu. Hiểu được vậy nên họ sống bằng bốn thứ tình cảm sau:

Một, từ (mettā): mong người được điều tốt lành, tạo nhân lành và hưởng quả lành.

Hai, bi (karuṇā): mong người đừng bị quả xấu và không tạo nhân xấu.

Ba, hỷ (muditā): vui với nhân lành và quả lành của người khác.

Bốn, xả (upekkhā): sự thanh thản khi mà nghĩ đến hạnh nghiệp riêng của mỗi người. Ta thương họ đến mấy cũng không lo cho họ bằng cái thiện nghiệp của họ. Ta ghét họ đến mấy cũng không làm gì được họ, ngoại trừ cái ác nghiệp của họ.

Người sống mà trong bốn vô lượng tâm này phải luôn nhớ mình cần sống kiểu gì trong đời.

Có người sống trong đời này như con kiến: ai chạm tới mới cắn, tức là khả năng làm phiền người khác trong cự ly gần.

Có người sống trong đời này như con muỗi: khả năng làm phiền của họ nhiều hơn con kiến.

Có những người như một đóa hoa nhỏ, phải ở gần ta mới thấy đẹp và thơm. Nhưng mà chỉ là thơm và đẹp thôi.

Có những người như trái ngon: tức là đẹp không quan trọng, mà quan trọng là nó ngon, nó bổ.

Ở đời ta có nhiều kiểu sống: làm phiền hay hữu ích cho người khác, từ xa hay chỉ trong cự ly gần, qua một hay nhiều ngoại trần.

Nãy tôi có nói: có những thứ như hoa, thứ cỏ, gai mà nó làm phiền mình trong cự ly gần, nhưng có những thứ nó làm phiền mình ở khoảng cách xa. Chẳng hạn như người bị dị ứng phấn hoa, cái cây tuy cách mình vài trăm mét nhưng vẫn có thể làm cho mình nhảy mũi. Bên cạnh đó có những hoa tuy ở xa nhưng mình vẫn ngửi được mùi thơm của nó.

Có những người thì như trái cây: ăn trái nào đã trái nấy, như măng cụt, sầu riêng, bòn bon, chôm chôm... ví dụ như vậy. Có những trái như trái phật thủ hay bưởi hồ lô chỉ đem về trưng cho đẹp thôi.

Như vậy, trong trời đất có những thứ nó có lợi cho chúng ta qua mũi, lưỡi, thân, mắt, tai. Ví dụ như tiếng gió thổi qua hàng dương, hàng thông. Có nghĩa là có những thứ có mặt trên đời này, làm cho đời đẹp bằng âm thanh thôi, như con chim hót, tiếng thác đổ. Có những thứ đóng góp cho đời qua mùi, vị, xúc. Xúc tức là hôm nay mình mặc quần là áo lụa là nhờ bông gòn, cotton, tơ tằm.

Còn có những câu chuyện, những con người mà mình nghĩ tới họ là mình bực mình. Có những người mình nghĩ tới họ là mình thấy vui vẻ và an lạc.

Do vậy, tùy bản thân mỗi người mà ta sống hữu ích hay có hại, từ xa hay phải ở gần, qua một khoảng cách gần hay xa. Bốn pháp vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả, là cách sống khiến ta trở nên hữu ích trong mọi cự ly và qua cả sáu trần đối với người khác, đời này và kiếp sau.

Ví dụ như bài nói chuyện được phát biểu bằng từ tâm, bằng trí tuệ, bằng chánh niệm thì nó sẽ hỗ trợ cho khả năng Phật Pháp của quý vị. Nó sẽ giúp cho kiểu tu học của quý vị được tốt hơn. Từ đó quý vị làm được nhiều công đức hơn.

Như vậy, rõ ràng là người nói Pháp cho mình, rõ ràng họ đã giúp ích cho mình cả về sáu căn là vì: từ những gì mình nghe được, hiểu được, nhớ được, hành được, mình về mình làm các công đức. Đời sau sinh ra mình thấy được cái muốn thấy, nghe được cái muốn nghe, nghĩ được cái muốn nghĩ, ăn được cái muốn ăn.

Khi mình sống bằng từ tâm đối với người khác là có thể mình đang giúp cho người khác bằng mọi cự ly và qua cả sáu căn.

Khi này tôi có nói: có kẻ sống mang hại cho đời kiểu con kiến, tức là mình đụng tới nó thì nó mới cắn mình. Con muỗi, mình không kiếm nó nhưng nó lại kiếm mình. Con rắn, con cạp. Có kẻ mang lại lợi ích cho đời kiểu như một đóa hoa, một viên ngọc, một cội cây ăn trái, một hồ nước, giếng nước, ngọn núi.

Tùy vào phẩm chất, nền tảng, khả năng, năng lượng và năng lực mỗi người mà chúng ta có khả năng lan tỏa tiêu cực hay tích cực lên cuộc đời này nhiều hay ít.

Nếu mình sống bằng bốn vô lượng tâm thì mình biết mình phải sống kiểu gì. Nếu mà có mang hại cho người thì hại nhẹ nhẹ thôi, đừng có mà làm con cạp hay con rắn, nó phiền lắm. Lâu lâu mình chỉ làm muỗi vô room chích người ta hai, ba cái chơi thôi.

Hiền nhất là như con kiến: anh đụng tới tui thì tui cắn anh, cắn anh xong thì tui bỏ tui chạy.

Người hành trì Phật Pháp phải luôn luôn nhớ một điều: nếu không bỏ được thói quen có hại thì mình cũng lựa cái nào nhẹ nhất. Và thứ hai là nên sống hữu ích. Nếu mà tôi không thể sống hữu ích cho đời trong cự ly gần thì cũng là cự ly xa. Nếu mà không thể giúp cho đời trong cự ly xa thì cũng trong cự ly gần. Luôn luôn và phải luôn luôn nhớ như vậy, thì sống ở trong tinh thần đó được gọi là từ tâm.

Kinh này dạy rằng: có người chỉ đủ sức tu tập bốn vô lượng tâm mà không hiểu được bốn đế, nên sau khi sanh thiên lại tiếp tục trầm luân.

Kinh 126 cũng có nội dung như vậy: người sống bằng bốn vô lượng tâm...

Lượng tâm, nhưng luôn hiểu được rằng bản thân của bốn vô lượng tâm ấy cùng quả lành mà chúng mang lại đều vô ngã, vô thường. Cái gì cũng là khổ; vui khổ đều là khổ; thiện ác đều là nhân sanh tử trong ba cõi sáu đường. Vô lượng tâm như vậy mới đúng theo lời Phật.

Tức là sống ở đời phải có ích, nhưng có ích không thì chưa đủ, mà phải hiểu. Xưa nay trong bước luân hồi ta chỉ sống trong hai kiểu: làm ác bị đọa, còn làm thiện được thân nhân thiên. Bị khổ thì chán sợ, mà được vui sướng thì đam mê. Nay ta biết đạo: không làm ác nữa nhưng phải làm thiện trong nhận thức như trên.

Khổ, vui đều là khổ, có điều là trực hay gián tiếp thôi. Thiện hay ác đều là nhân sanh tử, mặc dù ngày nào chưa chứng Thánh thì ta phải tiếp tục lánh ác hành thiện. Tuy nhiên, cái lánh ác hành thiện này nó khác kiếp xưa. Ngày chưa biết đạo, ta tránh ác hành thiện để trốn khổ tìm vui. Nay ta hiểu đạo, cũng tránh ác hành thiện nhưng để không còn thiện ác, buồn vui nữa.

Tiếp theo là Kinh Vi Diệu (1).

Nói về những điều kỳ diệu khi Phật ra đời. Khi mà nhập thai, đản sanh, thành đạo và chuyển pháp luân, thuyết pháp thoại đầu tiên đều có những hiện tượng phi thường chỉ vì hai lý do:

Một, đức độ của Ngài chiêu cảm trời đất thiên nhiên.

Hai, cả bốn sự kiện ấy đều hiếm hoi và có sức kinh động tự nhiên đến trời đất.

Đức độ là sao? Tôi hỏi các vị nha: một người mà họ đốn cây thì họ đâu cần phải đẹp trai, học thức, võ nghệ, đâu cần tiếng tăm, đúng không? Miễn là họ dùng lưỡi cưa để cắt đứt được cái cây đó, rồi đến khi cái cây ngã xuống cái rầm, tạo ra một tiếng động rất là lớn, làm kinh động xóm làng. Chưa kể nó làm gãy đổ bao nhiêu thứ trong xóm làng. Bản thân cái người cưa cây đó không là cái gì hết, chỉ là con số không. Nhưng cái sự kiện cây đổ nó cũng làm chấn động cho ngôi làng bởi vì gốc cây nó lớn quá.

Có những sự kiện làm chấn động là bởi vì bản thân sự kiện đó quan trọng đã đành rồi, mà một phần nữa nó gây chấn động là bởi vì cái người tạo ra sự chấn động ấy.

Ví dụ: ông Tổng thống Mỹ đi đâu, thành linh đi nữa, thì bao nhiêu mật vụ của Mỹ đổ xuống bao vây khu vực đó, chặn cái lối ra vào. Nội nguyên cái khoản đó là mình thấy nó đã làm kinh động thiên hạ rồi. Nhưng mà nó còn bồi thêm một vụ nữa, đó là cái người sắp đến là ai. Là đệ nhất công dân của một đệ nhất siêu cường, tức là Hoa Kỳ. Một đất nước mà gọi là nắm quyền chi phối, nắm quyền ảnh hưởng cực mạnh đến toàn cầu, từ chính trị, văn hóa, tôn giáo, xã hội... Mỹ đều có quyền thò tay vào để gây ảnh hưởng hết. Mà nhân vật này là nhân vật số một của đất nước ấy, thế là bao nhiêu tàu bè, máy bay, nhân viên, mật vụ đổ về. Bản thân cái chuyện đó đã gây ồn ào, xôn xao rồi. Một đoàn xe mà có còi hú, gấn cờ đã là gây xôn xao rồi. Thứ hai là bản thân cái người tạo ra cái sự cố, sự kiện ấy lại là một người có ảnh hưởng nhất định.

Ở đây cũng vậy, một vị Bồ Tát chánh niệm tỉnh giác rất là quan trọng. Chánh niệm tỉnh giác là bỏ ở Đâu Suất thiên mà để nhập thai vào bụng mẹ của Phật Mẫu. Thì

ngay cái giây phút đó, sự kiện đó là sự kiện quan trọng. Bởi vì sự ra đời của con người này một thời gian sau sẽ làm thay đổi càn khôn, lật ngược vũ trụ.

Tại sao lật ngược vũ trụ?

“Này các Tỳ kheo, có những điều kỳ diệu sau đây khi một vị Chánh Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời nó mới có mặt.”

Giữa khi mọi người đang trôi nổi trên cái dòng đời, theo cái dòng chảy của phiền não, họ thích tầm lum, thích đủ thứ, thì Như Lai ra đời, thuyết pháp, và Như Lai kêu buông hết.

Khi mà mọi người trên đời này thích đoàn tụ, thích đàn đúm, um xùm, bát nháo, thì Như Lai lại ra đời kêu gọi sự yên tĩnh, vắng lặng.

Giữa khi mọi người trên đời này sống bằng lòng kiêu mạn: tôi là thế này, tôi là thế kia, tôi thua, tôi kém, tôi bằng, tôi hơn, thì khi Đức Như Lai ra đời kêu buông hết, buông xuống hết.

Khi mọi người trên đời này thấy rằng có cái gì đó mới là an lạc, thì khi Đức Như Lai ra đời, Ngài nói mất sạch mới là an lạc.

Đây chính là những điều kỳ diệu, những chuyện đi ngược dòng đời mà chỉ có vị Chánh Đăng Giác ra đời mới đem lại. Không chỉ đem lại cho hành tinh này, mà còn đem lại cho vô lượng hành tinh, bao nhiêu thiên hà, bao nhiêu thái dương hệ. Tất cả đều ân triêm công đức, được hưởng lợi lạc từ những pháp thoại của Ngài.

Các vị tưởng tượng cái sự ra đời của một con người như vậy, một nhân cách như vậy. Ngay khi Ngài chánh niệm tỉnh giác lìa thân Đâu Suất để nhập vào thai Phật Mẫu, làm sao mà nó không chấn động được. Trong kinh nói giống như con voi mà nó đặt chân xuống chiếc xuồng, chiếc thuyền nhỏ. Nó mới vừa để cái chân của nó xuống là cái xuồng nó lắc rồi.

Cái đạo nghiệp của người ta quần tụ trong mấy chục a-tăng-kỳ mà. Một a-tăng-kỳ là 10 lũy thừa 140, tức là một con số 10 và 140 con số 0. Các vị có biết tu cái kiểu mà máu Ngài đổ cho chúng sanh có thể chảy thành sông. Cái thân người mà Ngài hy sinh mạng sống cho đời giống như chất thành núi. Ngài cho và bố thí riết mà quên tay.

Trong khi nói cái kiếp cuối cùng trước khi sinh về Đâu Suất để Ngài chờ giáng sanh thành Phật. Mới bảy tuổi, cái tuổi mà ngủ chưa biết đắp mền sao cho ấm, ăn không biết làm sao cho sạch cái miệng, là Bồ Tát đã ngồi giữa sân hoàng cung mà nói thế này:

“Ai cần cái gì ta cho sạch, miễn là ta cho được. Từ cái mạng của ta, óc, tim, gan, phèo, phổi... ta cho sạch, không tiếc.”

Các vị tưởng tượng mới bảy tuổi? Bảy tuổi mà dám hy sinh cái đồ chơi của mình thì đã là thiên thần trong lứa đó rồi. Mà đằng này nói thẳng luôn, cái giống gì mà ta có ta cho sạch sành sanh. Các vị tưởng tượng đi, tức là cái máu cho nó đã ngấm vô trong tủy rồi. Tức là mới bảy tuổi đã không còn cái ý niệm “tôi là”, hay “của tôi” nữa, thì cái con người đó, các vị tưởng tượng đi. Cái nhân cách mà kinh hoàng đó, khi mà từ trên Đâu Suất giáng sanh xuống thì làm sao mà địa cầu nó không lắc.

Rồi con người đó khi ngồi dưới gốc Bồ Đề, quắc nhiên đại ngộ, thấy ra bốn sự thật, đó là bốn Đế. Trở thành một bậc Điều Ngự Thiên Nhân Sư, Chánh Đẳng Chánh Giác, thì địa cầu nó lắc chập hai. Khi Ngài thuyết thời pháp đầu tiên, Ngài nói về bốn cái sự thật mà Ngài mới vừa chứng ngộ dưới gốc Bồ Đề, thì địa cầu lắc chập ba. Nói chung vũ trụ này dưới thời Phật coi như lắc toàn tập. Coi như Ngài có những pháp thoại, có những việc làm nho nhỏ thôi cũng đủ làm kinh thiên động địa.

Kinh kể có một lần Đức Thế Tôn đi vào một khu rừng bỏ xác, tiếng Việt Nam kêu là bãi tha ma.

Bởi vì người Ấn Độ có nhiều kiểu an táng xác người. Lâm táng là liệm vào rừng. Thủy táng là thả theo sông. Thiên táng là để ngoài trời cho nó khô. Điều táng là cho

chim nó ăn. Mai táng là đem chôn xuống đất. Hỏa táng là đem đốt, thiêu. Tổng cộng có mấy cách an táng thì trong đó có cách là lâm táng, tức là đem liệm xác vô rừng cho chất thành đồng.

Ai mà đi ngang nó lạnh xương sống. Cái xác mới liệm thì nhìn nó hơi tái tái cũng ớn. Rồi nó lâu một chút thì nó trương phình. Cái mà lâu nữa thì nó rỉ nước, dòi bọ, rồi trơ xương ra, cái đó mất vệ sinh lắm.

Thì có một lần Đức Thế Tôn đi vào cái chỗ như vậy, Ngài lượm một miếng vải bó xác. Các vị có biết miếng vải bó xác đó của ai không? Là xác của cô đầy tớ của một gia đình mới chết. Gia đình đó mới lấy vải quấn xác đem liệm vào rừng. Rồi Ngài mới đến lấy miếng vải đó để đem về Ngài giặt.

Đích thân Thế Tôn, khi Ngài cúi xuống lấy miếng vải đó rồi Ngài đem xuống suối Ngài giặt, trong kinh nói ngay lúc đó địa cầu rung động chín lần. Một ông vua theo nghĩa đen của thế gian, một ông hoàng đi tu, mà giờ lấy miếng vải đi liệm xác của một cô đầy tớ mới ghê. Chứ miếng vải đó mà là vải tơ tằm của một cô tiểu thư thì mình cũng đỡ tủi. Đằng này là tấm vải tám hay vải bột gạo, vải mà cái thời bao cấp mình xếp hàng cả buổi để mua được một thước đó. Coi như là lấy miếng vải đó về mà giặt.

Coi như Đế Thích thương quá đứng hầu Ngài, muốn thò tay mà thò tay thì Ngài đâu có cho. Ngài biết chư Phật ba đời, mỗi vị tối thiểu phải có một lần làm cái chuyện đó. Nghĩa là đi lượm vải dơ, đích thân đi giặt, rồi phơi để làm gương cho chúng sinh. Mà không phải làm màu đâu nha, lấy về là mặc đó. Lấy về mới đưa cho Ngài Anan may cho Ngài chứ không phải bình thường.

Về sau lá y đó Ngài mới đem đổi cho Ngài Ca Diếp. Rồi Bắc Tông mới nói là phó chúc chánh pháp nhãn tạng, là trao y bát đó, cho làm Nhị Tổ Thiền Tông. Chứ bên Nam Tông thì nói là Đức Thế Tôn Ngài đang mặc rồi Ngài mới khen Ngài Ca Diếp.

Ngài nói: “Ca Diếp mặc lá y đẹp quá.” Mà tại sao? Đức Thế Tôn còn thích cái gì nữa? Nhưng mà nhân cái dịp đó Ngài mới đổi lá y cho Ngài Ca Diếp.

Ngài mới nói với Ngài Ca Diếp: “Lá y này chính là lá y mà chính ta lượm trong rừng, trong cái bối cảnh như vậy...” Thì Ngài Ca Diếp bội phần hoan hỉ lên tới óc. Và Ngài quỳ, Ngài nhận lá y đó. Và khi Ngài chứng La Hán thì Ngài phát thệ dưới chân Đức Phật:

“Đời này cho đến khi tắt thở, con không có mặc lá y nào ngoài cái y được may bằng vải lượm. Đời này, kiếp này, con không có nhận ăn ở nhà tịnh thí mà con chỉ ăn đồ khất thực. Đời này, kiếp này, con sẽ không có sống trong chỗ có mái che, con chỉ sống trong rừng rậm, hốc cây, hang động. Đời này, kiếp này, con chỉ nhất tọa thực, ăn một buổi, đói no cũng ráng chịu.”

Tất cả là mười ba pháp đầu đà, đặc biệt như vậy. Các vị tưởng tượng một nhân cách mà phải nói là đáng nể như vậy.

Cho nên khi Thế Tôn đản sanh, thành đạo, chuyển pháp luân. Ở đây Ngài không kể chuyện Niết Bàn. Có thể là vì Ngài không muốn gây kinh động không cần thiết cho những người ngồi trước mặt. Họ nghe chỗ nhắc Niết Bàn, chưa đắc mà họ lo họ khóc không thì cũng phiền, nên thôi khỏi.

Việt Nam mình cũng có cái hạnh đặc biệt lắm. Vui thì cái giống gì cũng sadhu, buồn thì nhúc nhích cái là mau nước mắt, dễ khóc. Mà cái chuyện cần làm thì luôn cà rờ cà rờ, chậm. Nên cái kiểu này mình phải nên chỉnh lại, chứ không thôi tới hồi gặp Phật quờn quờn khóc là không được. Mà tới hồi Phật chưa giảng, cả đám hè nhau sadhu thì cũng không xong. Mà nghe thấy Phật ra đời mà cứ cà rờ, cà rì, cà mẫm mà không chịu tới thì cũng phí.

Tôi vừa nói xong những cái pháp kỳ diệu của Đức Như Lai.

Tức là bài kinh 127 nói về Đức Như Lai đản sanh, thành đạo và chuyển Pháp Luân, thì thế giới này nó rung lắc và nó xuất hiện một luồng ánh sáng mà hào quang của chư Thiên chỉ là đồ bỏ thôi. Và nó soi rọi đến những chỗ mà mặt trăng, mặt trời không thể rọi xuống được.

Đó là chỗ nào? Các vị còn nhớ hôm qua tôi nói về trái lựu không? Cứ mỗi ba trái lựu lại làm nên một khoảng trống, gọi là địa ngục Lokantarika, dành cho những người tà kiến, bất tri, phủ nhận triệt để những gì mình không hiểu hay không thấy. Bởi vì khi anh còn sống thì anh phủ nhận triệt để những gì mà anh không hiểu, không thấy: không có kiếp trước kiếp sau, không có thiên đường địa ngục, không có luân hồi quả báo, không có thánh hiền, không có Phật, không có Thiên. Vì cho rằng mọi thứ là không nên phải sanh về chỗ không có gì hết.

Nên tránh hiểu lầm chữ “không” của hành giả Tuệ Quán. Vô ngã là nobody chứ không phải là nothing. Còn cái tà kiến mà chấp không ở đây là cho rằng mọi thứ là nothing, everything is nothing.

Tức là một bên người ta nói cái thân tâm này là không, là bởi vì ở đây không có nam, nữ, đẹp, xấu... không có gì ngoài ra danh sắc, thiện ác. Cái không này cho phép người ta tin có kiếp trước, kiếp sau, luân hồi, quả báo. Còn cái không của người tà kiến là khác. Là người đó không biết về Tứ Đế, Mười hai Duyên khởi, không hề biết có kiếp trước kiếp sau. Cái gì mà chả không thấy, không biết thì cái đó đều là không hết.

Với quan điểm tư tưởng ấy, họ sanh vào một nơi mà rất giống suy nghĩ của mình. Mặt trăng, mặt trời chỉ soi rọi bên trong cái gọi là vũ trụ, không thể soi đến bên ngoài cái ranh giới của nó. Các vị hình dung trong một trái lựu có mặt trăng, mặt trời và ánh sáng đó chỉ chiếu đến bờ biên của nó. Có vô số trái lựu như vậy.

Hiểu ra cái này mới thấy hết hồn. Thì ra mình cứ nghĩ mình là ghê gớm: mình có tí nhan sắc, có tí học thức, có tí sức khỏe, có tí tiếng tăm, có tí may mắn trong tình cảm, trong sự nghiệp, trong học thuật, trong đạo, ngoài đời, rồi mình thấy mình ghê gớm.

Bây giờ mình chưa biết gì hết, chỉ cần mình lên máy bay, bay lên trời mình nhìn xuống, mình thấy mấy cái khu cao ốc nó nhỏ xíu xiu xiu. Chẳng hạn như khu Phú Mỹ Hưng đi, mình đi làm cả đời mình có tận được một căn ở trong đó hay không? Vậy chứ ở trên trời mình nhìn xuống, khu Phú Mỹ Hưng nó giống như là một đồng hộp quẹt, chứ không có gì hết trơn.

Ấy vậy mà mình có thể hình dung nổi, có những hành tinh cách nhau mấy ngàn năm ánh sáng. Nó lớn như vậy, nó rộng như vậy, ấy vậy mà tất cả nó chỉ nằm trong một trái lựu thôi, các vị có biết không? Ba mươi mốt cồi nó chỉ nằm bên trong một trái lựu thôi. Chúng ta chỉ nằm trong một trái lựu.

Thôi. Và mặt trăng, mặt trời chỉ soi rọi được bên trong đó chứ không thể soi rọi ra ngoài vũ trụ được.

Kính nói mỗi vũ trụ như vậy bị nhốt trong một không gian với vỏ bọc bên ngoài mà thiên nhân cấp thấp không nhìn xuyên thấu được. Không biết các vị có tin không? Nó rất đơn giản. Giống như trong cồi người mình mỗi ngày mình nhìn nè. Tức là mình thấy mình có cái này, có cái kia, nhưng mà mình chỉ là một cái tép nhỏ trong một múi cam, trong một khu vườn, các vị biết không? Ngoài trái này thì nó còn trái khác, ở trên bao nhiêu nhánh khác, trong bao nhiêu cái cây cam khác, và trong bao nhiêu là rừng cam khác. Mình tưởng mình là cái gì đó ghê gớm, mà tất cả những gì ta có chỉ là một cái tép nhỏ xíu xiu xiu, hoặc là một cái hạt lép nhỏ xíu xiu xiu trong một trái cam ở trong một góc vườn mà ta đâu có ngờ.

Các vị có từng thấy, từng ghé qua những vườn nho của Pháp, hoặc những vườn cam của Mỹ bạt ngàn xa vắng, các vị mới thấy hết hồn. Với cái ví dụ mà tôi nói rằng: chúng ta chỉ là một cái tép cam nhỏ, trong một trái cam, của một vườn cam, của một trang trại, trong một điền trang trồng cam mấy ngàn mẫu.

Như vậy các vị có thể thấy thêm một lần nữa. Khi mà Thế Tôn ra đời, đản sanh, thành đạo, thì tự nhiên xuất hiện một cái ánh sáng soi rọi đến những chỗ mà mặt trăng, mặt

trời không có rọi tới. Đó là khoảng cách của ba trái lựu, tức là ba vũ trụ nó đứng gần nhau như vậy thì nó làm nên một khoảng không. Những khoảng không đó là dành cho những người tà kiến cố định sanh trong đó. Tuổi thọ ở địa ngục này là 84.000 đại kiếp, tương đương cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Chúng sanh ở đó sống trong bóng tối tuyệt đối, lăn mò như một bầy dơi, tình cờ chạm phải nhau thì cấu xé nhau để ăn rồi cùng rơi xuống, tan nát như một cục bột. Nhưng họ tức khắc sanh lại và chịu khổ như vậy trong một điều kiện nhiệt độ vô cùng lạnh giá.

Khi mà có một sự kiện quan trọng như chư Phật ra đời thì vầng hào quang kia mới soi rọi đến đây. Điều đặc biệt là phần lớn thời gian trong đời họ không dùng thị giác nhưng họ không phải người mù. Những gì họ chịu đựng ở đây đều là phản ảnh từ cái quan niệm tà kiến sinh tiền của họ. Là vì khi họ sống, cái gì cũng là không, thì anh sẽ ra đây, anh ở cái chỗ này, cái gì cũng là không. Có nghĩa là không có mặt trăng, không có mặt trời, không có cái loài nào ngoài ra anh hết.

Tôi sẽ đọc và dịch cái bảng chú giải Pali như sau, đặc biệt lắm:

“Địa ngục không gian, cứ mỗi mỗi thì nó sẽ tạo ra một khoảng trống. Chúng sanh đó, cái thân của họ cao lớn lắm, nó là ba phần tư do tuần. Cái do tuần bây giờ mình cũng khó nói là bao nhiêu, nhưng tối thiểu là 10 cây số. Nên ba phần tư do tuần là khoảng tầm 6 hay 7 cây số, to như vậy đó. Móng tay của họ dài như móng con dơi. Họ lăn mò dưới chân núi giống những con dơi mà nó bám dưới nhánh cây. Khi nào mà họ lăn mò, họ chạm phải nhau thì họ mừng lắm, họ nói rồi họ có đồ ăn rồi. Họ cùng cấu xé nhau, lọt xuống vùng nước bên dưới. Vùng nước bên dưới, lokasandhāraṇakaudake, có nghĩa là vùng nước chua mà ta gọi là axit. Rồi họ đâm đá nhau ở dưới vùng nước vừa chua vừa lạnh, xong rồi họ tan ra giống như cục bột. Cứ vậy rồi họ sanh ngược trở lên, họ sống”.

Điều đặc biệt là sao? Thông thường, theo cái luật sinh học mà mình được biết, loài nào mà không dùng mắt hoặc dùng không nhiều thì thị giác của nó như không có hoặc có mà rất là mờ. Có rất nhiều loại như vậy, nhưng mà đặc biệt loại này thì

không. Lúc nó sống, cái gì nó cũng cho là không, nên bây giờ nó có mắt mà nó không có gì để nó nhìn. Nó có bụng, có miệng để ăn nhưng không có thứ gì để ăn. Nhiệt độ của nó cũng là âm, có nghĩa là không luôn, dưới 0 độ, rất là lạnh. Nói chung cái gì cũng không hết. Nó không được cái gì thì nó không cái đó.

Khi mà vị Chánh Đẳng Giác ra đời thì có tí ti hào quang nó soi rọi đến chỗ này để nó thấy rằng: “Ồ, ở đây có người khác chứ không phải chỉ có mình mình”. Mà các vị tướng tượng đi, 84 ngàn đại kiếp ở trong đó, mà tới hồi ra khỏi đó thì các vị cũng có thể tướng tượng được. Bao nhiêu thời gian mà nó lâu quá thì nó sanh ra nó khờ. Giống như mình làm chim, chuột, mối, gián, ở dưới đó một thời gian, đến khi sinh ngược lại làm người thì nó sanh ra nó khờ. Nó không biết cái gì hết, rồi tiếp tục gặp bạn xấu, lại làm ác là tiếp tục nó lọt vô đó trở lại nữa. Cho nên cái vòng luân hồi nó khủng khiếp lắm, quý vị biết không.

Kinh Vi Diệu (2)

Kinh 128 nói về bốn điều kỳ diệu thuộc tinh thần thay vì thuộc vật chất như ở kinh 127. Kinh 127 thì Ngài nói khi Ngài ra đời thì có sự chấn động, hào quang... Nhưng kinh 128 thì nói khi Ngài ra đời thì Ngài làm bốn cái chuyện phi thường:

1. Tuyệt đại đa số chúng sanh đều thích nắm giữ, Ngài lại thuyết pháp kêu gọi buông bỏ.
2. Đa phần đều kiêu mạn, Ngài dạy từ bỏ kiêu mạn.
3. Đa phần chúng sanh không thích yên tĩnh, thích đám đông, thích sự chộn rộn của sáu trần. Phật dạy sống một mình và hạn chế tối đa sự tiếp xúc sáu trần.
4. Tất cả phàm phu đều sống vô minh mù quáng, thì Ngài dạy họ sống trí tuệ. Mọi người lắng tai nghe đạo ánh sáng.

Với bốn điều đặc biệt này thì nó mới nảy ra cái điều đặc biệt về vật chất. Các vị tướng tượng đi, khi mà Ngài ra đời, Ngài nói ra những chuyện mà không có giống ai

hết. Đa phần ai cũng thích cái này, thích cái kia. Cho nên nếu mà bà con cần mỗi ngày hai thời công phu thì tôi thiết tha đề nghị đọc cái bài 128 này. Nó giống như bài kinh Bāhiya, kinh Kaccānagotta. Nó rất là đáng đọc: tức là bốn điều kỳ diệu về tinh thần cũng là bốn điều để mình tu, mình sửa.

Tức là đa phần chúng sanh thích thú thì Đức Thế Tôn dạy họ đi ngược dòng đời. Đa phần chúng sanh sống kiêu mạn, so sánh tôi bằng, tôi hơn, tôi thua, thì Đức Thế Tôn dạy họ từ bỏ kiêu mạn. Đa phần chúng sanh thích chộn rộn, ồn ào, thì Ngài lại kêu họ rút lui về vùng tĩnh lặng. Đa phần chúng sanh sống trong vô minh thì Đức Thế Tôn kêu gọi họ sống trong vùng ánh sáng. Vì ánh sáng là an toàn, là an lạc.

Thì khi mà mình sống ở đời mà mình hành theo lời Phật là dứt khoát coi như mình đã đi ngược dòng chảy. Mà đi ngược dòng chảy thì đừng có ngạc nhiên khi mình bị đời nó thử thách, chuyện đó không có gì lạ. Khi mà Phật sắp Niết-bàn, Ngài Ca Diếp đến lạy Phật, Ngài Ca Diếp nói thế này:

“Bạch Thế Tôn, sau bao nhiêu năm thảng tu hành, con nhận ra một điều đó là: không phải dễ dàng để sống một đời phạm hạnh. Không phải dễ dàng để sống theo tinh thần Chánh Pháp.”

“Không phải dễ dàng để sống ngược với dòng đời.”

Phật dạy: “Đúng như vậy, này Ca Diếp. Nếu mà nói đúng một cách chính xác thì phải nói như vậy, như người vừa nói. Chánh pháp khó thấy mà cũng khó hành trì. Khó thấy và khó hành trì bởi vì nó đi ngược lại cái dòng chảy của nhận thức phàm phu. Nó đi ngược lại cái nhu cầu, cái thị hiếu, cái sở dục của phàm phu. Làm sao mà nó dễ cho được.”

Thế là khi mà vị Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời thì Ngài kêu gọi người ta sống kiểu ngược đời là vì sao? Vì xưa nay mình sống kiểu xuôi dòng nên con cứ trở về cây đa cũ, bến đò xưa hoài thôi. Bây giờ nếu con muốn tìm về vùng đất mới thì bắt buộc con phải có một nhận thức mới. Mà con có thể tìm những nhận thức mới trên những gì rất

là cũ. Đó chính là cũng danh này, sắc này, sắc, thanh, khí, vị, xúc; đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nhai nuốt, nghe, nhìn. Con phải quay lại nó để con thấy ra một chân trời mới. Đường vào rừng cũng chính là đường ra rừng.

Mỹ có một câu thế này: “Đi du lịch không phải đến chỗ mới mà ta còn cần một cái nhìn mới.” Xưa giờ mình cứ đi theo lối mòn không à, quý vị biết không. Cứ là cỏi dục thì thích nghe, ngửi, ăn, sờ, chạm, êm ấm, ngon ngọt, thơm, bùi. Còn đấng này, kẻ nào thích thiên thì mê sơ, nhị, tam, tứ thiên. Phật nói: Không, hể còn mê là con còn quẩn quanh, con còn quay trở lại con đường mòn cũ. Phải buông hết đi con. Con phải buông bởi vì: “Con muốn có được cái mà con chưa từng được thì con phải làm cái chuyện mà con chưa từng làm.” Chứ mà cứ lối mòn, cứ lò mò, lăm măm mà đi lại lối cũ thì cái mà ta gặp chỉ là cảnh cũ, người xưa.

Tôi đã nói rồi, một trong những kinh hoàng, một trong những bi kịch tang thương nhất trên cuộc đời này chính là chung tình. Vì sao? Vì thế giới có thiên hình vạn trạng mà mình cứ cầm đầu vô cái cũ xì đó, có phải là hoang phí hay không? Ở đây nói theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, nghĩa đời lẫn nghĩa đạo là như vậy đó.

Cho nên ta không thể chung tình với cái cỏi trầm luân. Khi ta chưa kịp bỏ nó thì nó đã bỏ ta. Câu này nghe rất là bạc, nhưng mà bây giờ mình có đâm đuối, yêu đương đến 90 tuổi thì mình nhìn nhau có còn nhớ đó là ai hay không? Bao nhiêu đêm trăng thanh, gió mát, bờ ao, hẹn hò, hồi hộp. Rồi bây giờ thì sao? Nó quên sạch, rồi mình nhìn hỏi nhau là: “Who are you?” Đó là chung tình, một cuộc tình đẹp, một cuộc hôn nhân thành công đó, một đám cưới vàng, một đám cưới kim cương đó. Mà quất cho 90, 100 thì nó sẽ đi về đâu?

Nói chung là mình chưa bỏ nó thì nó cũng bỏ mình. Ở đây mà nói theo nghĩa đen thì nó thường quá, mà phải hiểu theo nghĩa bóng đó. Nội dung bài kinh: “Ta phải biết từ bỏ lối mòn để đến được những chân trời mới.”

Chúc quý vị một ngày vui và hẹn gặp lại ngày mai. Hôm nay tui xúi quý vị làm một chuyện, đó là không nên chung tình trong cái cõi trần luân.